Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 29/10/2026 16:52:48 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 161/2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn mẫu biểu báo cáo tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và tần suất, kỳ hạn, tỷ giá quy đổi, hình thức báo cáo. Các mẫu biểu báo cáo bao gồm:

1. Mẫu biểu báo cáo tình hình vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Mẫu biểu báo cáo phục vụ đối chiếu cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Mẫu biểu báo cáo cho vay lại của Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng.

4. Mẫu biểu báo cáo cho vay lại của Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

2. Bộ Tài chính.

3. Cơ quan được Bộ Tài chính ủy quyền làm cơ quan cho vay lại (sau đây gọi là Cơ quan được ủy quyền cho vay lại) được xác định theo Điều 22 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực quản lý nợ công.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 3. Mẫu biểu báo cáo

1. Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo về cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo mẫu biểu tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công.

Trường hợp phát sinh nợ quá hạn vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ tại kỳ báo cáo (nếu có), Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo về tình hình vay lại phát sinh nợ quá hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục I Thông tư này cùng báo cáo định kỳ về cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nêu trên.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tình hình nợ, bao gồm số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ để phục vụ đối chiếu cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

Đối với từng khoản thanh toán nợ cho vay lại với Bộ Tài chính, Sở Tài chính ghi đầy đủ nội dung thanh toán trên Lệnh chi trả nợ trong nước bằng VND theo cấu trúc sau: CVLĐP-Tên địa phương-Mã số đơn vị quan hệ ngân sách cấp cho dự án đầu tư (Mã dự án đầu tư)-Gốc/Lãi/Phí nhà tài trợ/Phí quản lý cho vay lại-Nội dung thanh toán (nếu cần). Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện thanh toán và ghi nội dung thanh toán theo nội dung trên chứng từ Sở Tài chính lập.

2. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng báo cáo Bộ Tài chính theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng báo cáo Bộ Tài chính theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tần suất và kỳ hạn báo cáo

1. Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính một năm hai lần, lần 1 trước ngày 31 tháng 7 năm thực hiện cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm thực hiện và lần 2 trước ngày 15 tháng 02 năm sau cho kỳ báo cáo cả năm thực hiện.

2. Trước ngày cuối cùng của tháng đầu quý, Cơ quan được ủy quyền cho vay lại báo cáo Bộ Tài chính về tình hình rút vốn, trả nợ, dư nợ khoản vay lại của quý trước theo mẫu biểu 3.01 tại Phụ lục III và mẫu biểu 4.01 tại Phụ lục IV. Riêng đối với quý II và quý IV, Cơ quan được ủy quyền cho vay lại lập báo cáo cho kỳ báo cáo lũy kế 6 tháng trước ngày 31 tháng 8 năm thực hiện và cho kỳ báo cáo cả năm trước ngày 28 tháng 02 năm sau năm thực hiện theo các mẫu biểu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan được ủy quyền cho vay lại định kỳ hằng năm thực hiện Báo cáo phục vụ đối chiếu cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định.

Điều 5. Tỷ giá lập báo cáo, hình thức báo cáo

1. Số liệu về dư nợ được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang VND theo tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm báo cáo. Số liệu dư nợ đầu kỳ bằng dư nợ cuối kỳ trước.

2. Số liệu về rút vốn của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang VND theo tỷ giá hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Số liệu về thu nợ của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại tại thời điểm trả nợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Trường hợp hợp đồng cho vay lại, hợp đồng ủy quyền cho vay lại đã quy định tỷ giá quy đổi đối với các khoản thu hồi nợ thì áp dụng theo quy định tại hợp đồng cho vay lại, hợp đồng ủy quyền cho vay lại.

4. Trường hợp tỷ giá của đồng nguyên tệ của khoản vay lại không được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Bộ Tài chính công bố, việc quy đổi từ nguyên tệ sang USD sử dụng tỷ giá theo thông báo của nhà tài trợ và tỷ giá USD/VND theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 của Điều này.

5. Đối với thông tin báo cáo theo Điều 3 Thông tư này, cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại) bằng một trong các hình thức sau:

a) Văn bản giấy gửi theo đường văn thư;

b) Văn bản điện tử gửi thông qua hệ thống tiếp nhận báo cáo hoặc hệ thống quản lý văn bản và điều hành (hoặc phương thức điện tử khác) do Bộ Tài chính thông báo tại từng thời kỳ; trường hợp gửi qua thư điện tử thực hiện theo

địa chỉ tiếp nhận do Bộ Tài chính công bố. Định dạng tệp, yêu cầu kỹ thuật và phương thức tiếp nhận báo cáo điện tử do Bộ Tài chính hướng dẫn, công bố và cập nhật.

6. Đối với thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/10/2026. Việc báo cáo theo quy định của Thông tư này áp dụng từ kỳ báo cáo quý IV năm 2026.

2. Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Việc lập báo cáo tình hình cho vay lại, tình hình nợ của bên vay lại theo các hợp đồng cho vay lại, hợp đồng ủy quyền cho vay lại đã ký kết trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Bên vay lại là các ngân hàng, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư phát triển địa phương, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh đã ký hợp đồng vay lại trực tiếp với Bộ Tài chính báo cáo Bộ Tài chính theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN (30 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH

Lê Tấn Cận

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ QUÁ HẠN VAY LẠI NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 161/2026/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh/Thành phố: ...
Kỳ báo cáo: từ ngày..... đến ngày....

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án	Nguồn vốn cho vay lại/Nhà tài trợ	Loại tiền vay	Nợ quá hạn (nguyên tệ)				
				Gốc	Lãi	Phí trả nhà tài trợ theo Hiệp định vay	Phí quản lý cho vay lại	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số			X	X	X	X	X
1	Dự án A							
2	Dự án B							
...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...

Ghi chú:
- Chỉ báo cáo nếu có phát sinh

....., Ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

BÁO CÁO PHỤC VỤ ĐỐI CHIẾU NỢ CHO VAY LẠI NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG – NĂM N

(Ban hành kèm theo Thông tư số 161/2026/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh/Thành phố: ...

I. Các thông tin chung:

- Tên dự án:
- Mã DMFAS_ID với Bên vay lại:
- Nhà tài trợ:
- Số hiệu khoản vay (nếu có):
- Trị giá Hợp đồng cho vay lại:
- Đồng tiền cho vay lại:
- Tỷ lệ cho vay lại:
- Điều kiện cho vay lại (lãi suất, thời hạn trả nợ, các loại phí):

Mã Đơn vị quan hệ ngân sách của dự án đầu tư:
Mã DMFAS_ID với Nhà tài trợ:

II. Số liệu phát sinh trong kỳ đối chiếu - năm N

A. Tình hình vay, trả nợ

	Nguyên tệ	Quy VND
Dư nợ đầu kỳ	...	...
Rút vốn trong kỳ	...	...
Trả gốc trong kỳ	...	...
Trả lãi trong kỳ	...	...
Trả phí trong kỳ	...	...

Địa phương trả nợ trong kỳ đối chiếu (chi tiết từng khoản)		
Số tiền (VND)	**Ngày trả nợ**	**Tỷ giá**
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

B. Chi tiết trừ nợ

STT	Nội dung	Phân loại	Số địa phương phải trả (Nguyên tệ)	Số địa phương đã trả trong kỳ đối chiếu				Tỷ giá quy đổi	Ngày trừ nợ	Còn phải trả đến ngày cuối kỳ đối chiếu
				Tổng đã trả (Nguyên tệ)	Chi tiết (Nguyên tệ)[1]	Nguồn|Ngày chuyển tiền	Số địa phương đã trả (VND)			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8 = 6 * 9*	*9*	*10*	*11*
I	**Số liệu năm N-1 (Trả nợ thiếu, nếu có)**									
	Chi tiết trừ nợ như sau:									
1	Gốc	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của gốc	-	-						-
2	Lãi	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của lãi	-	-						-
3	Phí trả nhà tài trợ	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của phí trả nhà tài trợ	-	-						-
4	Phí quản lý cho vay lại	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của phí cho vay lại	-	-						-
II	**Số liệu năm N (theo từng kỳ trả nợ)**									
	Chi tiết trừ nợ như sau:									
1	Gốc	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của gốc	-	-						-
2	Lãi	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của lãi	-	-						-
3	Phí trả nhà tài trợ	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của phí trả nhà tài trợ	-	-						-
4	Phí quản lý cho vay lại	Trong hạn	-	-						-
		Lãi chậm trả của phí cho vay lại	-	-						-

[1] Chi tiết theo từng khoản trả nợ

C. Dư nợ cuối kỳ

Dư nợ cuối kỳ[2]:	Nguyên tệ
Dư nợ cuối kỳ:	Quy VND
Số địa phương trả nợ thừa cuối kỳ:	VND
Số địa phương trả nợ thiếu cuối kỳ:	Nguyên tệ

III. Ghi chú (nếu có):

IV. Các chênh lệch, chưa thống nhất (nếu có):

..., ngày ... tháng ... năm ...

BỘ TÀI CHÍNH **Người lập**	**SỞ TÀI CHÍNH TỈNH/THÀNH PHỐ ...** **Người lập**
(ký và ghi rõ họ tên) **TRƯỞNG PHÒNG**	*(ký và ghi rõ họ tên)* **TRƯỞNG PHÒNG**
(ký và ghi rõ họ tên) **KT. CỤC TRƯỞNG** **PHÓ CỤC TRƯỞNG**	*(ký và ghi rõ họ tên)* **GIÁM ĐỐC** **SỞ TÀI CHÍNH**
(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*

[2] Bằng Dư nợ đầu kỳ + Rút vốn trong kỳ (bao gồm lãi phí gốc hóa, nếu có) – Trả gốc trong kỳ (số thực tế trả nợ gốc của địa phương); theo nguyên tệ

Phụ lục chi tiết các khoản rút vốn

Rút vốn trong kỳ đối chiếu (chi tiết từng khoản)				
Ngày nhận nợ	**Số tiền (nguyên tệ)**	**Hợp phần vay (Tranche)**	**Tỷ giá**	**Số tiền quy VND**
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...

Phụ lục III

MẪU BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY LẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 161/2026/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
3.01	Nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo chủ nợ cho vay
3.02	Nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo đơn vị nhận vay lại
3.03	Thực hiện trả nợ Bộ Tài chính
3.04	Thực hiện trả nợ trực tiếp cho nước ngoài
3.05	Báo cáo tình hình các dự án có nợ quá hạn và tổng hợp phân loại nợ quá hạn
3.06	Báo cáo tình hình quản lý tài sản bảo đảm
3.07	Báo cáo phục vụ đối chiếu số liệu cho vay lại

Mẫu biểu số 3.01

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO CHỦ NỢ CHO VAY

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày...

STT	Tên Dự án	Nguồn vốn nước ngoài	Tỷ lệ chịu rủi ro tín dụng	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẦU KỲ			RÚT VỐN TRONG KỲ			TRẢ NỢ TRONG KỲ														DƯ NỢ CUỐI KỲ		
											GỐC			LÃI			PHÍ			DỰ PHÒNG RỦI RO			TỔNG CỘNG					
					Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
	A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG																											
1	Dự án...	Nước...																										
2	Dự án...	Tổ chức...																										
3	Dự án...	Ngân hàng...																										
4	Dự án...																											
5	Dự án...																											

Ghi chú:
- Cột C: điền số phần trăm (xx%). Dự án cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng thì điền 0%

..., Ngày ... tháng ... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.02

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO ĐƠN VỊ NHẬN VAY LẠI

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị tính: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án	Nguồn vốn nước ngoài	TÊN ĐƠN VỊ (người vay lại)	Tỷ lệ chịu rủi ro tín dụng	Loại tiền	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	NỢ QUÁ HẠN		
								Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		Gốc	Lãi+Phí	Cộng
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG															
1	Người vay lại 1															
	Dự án	Nước...	Người vay lại 1													
	Dự án	Tổ chức...	Người vay lại 1													
2	Người vay ...															
	Dự án															
	Dự án															
3	Người vay ...															
	Dự án															
	Dự án															
4	Người vay ...															
	Dự án															
	Dự án															
5	Người vay ...															
	Dự án															
	Dự án															

Ghi chú:

- Cột D: điền số phần trăm (xx%). Dự án cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng thì điền 0%

....., Ngày ..... tháng ..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3:03

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ BỘ TÀI CHÍNH

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Tên Dự án	Nguồn vốn nước ngoài	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án theo nguyên tệ								Quy USD	Quy VND
			Gốc	Lãi	Phí CVL cơ quan được UQCVL hưởng	Phí CVL trả Bộ Tài chính	Phí khác (nếu có)	Dự phòng rủi ro được giữ	Dự phòng rủi ro trả BTC	Tổng trả Bộ Tài chính		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TỔNG CỘNG												
Dự án												
Dự án												
Dự án												
Dự án												
Dự án												
Tổng trả nợ bằng VND		**VND**										
Tổng trả nợ bằng USD		**USD**										
(từng loại tiền khác nếu có)		**...**										

....., Ngày ..... tháng ..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.04

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ TRỰC TIẾP CHO NƯỚC NGOÀI

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

STT	Tên Dự án	Nguồn vốn nước ngoài	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án theo nguyên tệ				Quy USD	Quy VND
				Gốc	Lãi	Phí	Cộng		
	A	B	C	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG								
1	Dự án	Nước...							
2	Dự án	Tổ chức...							
3	Dự án	Ngân hàng...							
4	Dự án								

....., Ngày ..... tháng ..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.05

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÁC DỰ ÁN CÓ NỢ QUÁ HẠN

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị tính: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án	Nguồn vốn	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẾN dd/mm/yyyy			TRONG ĐÓ NỢ QUÁ HẠN					Phân loại nợ quá hạn	Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
				Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	C	D
	TỔNG CỘNG												
1	Dự án												
2	Dự án												
3	Dự án												
4	Dự án												

TỔNG HỢP PHÂN LOẠI NỢ QUÁ HẠN

Nhóm nợ	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẾN dd/mm/yyyy		
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
Nhóm 2				
Nhóm 3				
Nhóm 4				
Nhóm 5				
TỔNG NỢ QUÁ HẠN				

....., Ngày ..... tháng ..... năm ....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.06

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đồng tiền: nguyên tệ, VND

Tên Dự án	Nguồn vốn vay	Đồng tiền vay	Dư nợ cuối kỳ báo cáo (Nguyên tệ)	Dư nợ cuối kỳ báo cáo (quy VND)	Loại tài sản bảo đảm		Trị giá tại Hợp đồng đăng ký giao dịch đảm bảo	Trị giá tài sản đảm bảo còn lại (theo giá trị sổ sách)	Chênh lệch	Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
					Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5-9	11
Dự án ..... Dự án ..... Dự án										

..., Ngày ..... tháng ..... năm ....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng)

BÁO CÁO PHỤC VỤ ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CHO VAY LẠI
THEO PHƯƠNG THỨC KHÔNG CHỊU RỦI RO TÍN DỤNG HOẶC CHỊU MỘT PHẦN RỦI RO TÍN DỤNG

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày...

Đơn vị: Nguyên tệ, USD, VND

	Nguồn vốn nước ngoài	Tỷ lệ chịu RRTD	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẦU KỲ			RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ NỢ TRONG KỲ					DƯ NỢ CUỐI KỲ		
				Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND		Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Tổng cộng	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG CỘNG															
Dự án...															
Dự án...															
Dự án...															
Dự án...															
Dự án...															
Dự án...															
Dự án...															
Dự án...															

....., ngày ... tháng ... năm ...
CƠ QUAN CHO VAY LẠI
(Ký, đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục IV

MẪU BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY LẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 161/2026/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
4.01	Nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo chủ nợ cho vay
4.02	Nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo đơn vị nhận vay lại
4.03	Thực hiện trả nợ Bộ Tài chính
4.04	Báo cáo phục vụ đối chiếu số liệu cho vay lại

Mẫu biểu số 4.01

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO CHỦ NỢ CHO VAY

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày...

STT	Tên Dự án	Nguồn vốn nước ngoài	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẦU KỲ			RÚT VỐN TRONG KỲ			TRẢ NỢ TRONG KỲ													DƯ NỢ CUỐI KỲ		
										GỐC			LÃI			PHÍ			DỰ PHÒNG RỦI RO			TỔNG CỘNG					
				Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG																										
1	Dự án...	Nước...																									
2	Dự án...	Tổ chức...																									
3	Dự án...	Ngân hàng...																									
4	Dự án...																										
5	Dự án...																										
6	Dự án...																										

..., Ngày ..... tháng ..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.02

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO ĐƠN VỊ NHẬN VAY LẠI

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Đơn vị tính: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án	Nguồn vốn nước ngoài	Tên đơn vị (người vay lại)	Loại tiền	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	TRẢ NỢ TRONG KỲ					Dư nợ cuối kỳ	NỢ QUÁ HẠN		
							Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		Gốc	Lãi+Phí	Cộng
	A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG														
1	Người vay ...														
	Dự án	Nước...	Người vay lại 1												
	Dự án	Tổ chức...	Người vay lại 1												
2	Người vay ...														
	Dự án														
	Dự án														
3	Người vay ...														
	Dự án														
	Dự án														
4	Người vay ...														
	Dự án														
	Dự án														
5	Người vay ...														
	Dự án														
	Dự án														

....., Ngày ..... tháng ..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.03

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu toàn bộ rủi ro tín dụng)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ BỘ TÀI CHÍNH

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày ...

Tên Dự án	Nguồn vốn nước ngoài	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án theo nguyên tệ							Quy USD	Quy VND
			Gốc	Lãi	Phí CVL cơ quan được ủy quyền CVL hưởng	Phí CVL trả Bộ Tài chính	Phí khác (nếu có)	Dự phòng rủi ro	Tổng trả BTC		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG CỘNG											
Dự án	Nước...										
Dự án	Tổ chức...										
Dự án	Ngân hàng...										
Dự án											

....., Ngày ..... tháng ..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cơ quan thực hiện: ... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng)

BÁO CÁO PHỤC VỤ ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CHO VAY LẠI THEO PHƯƠNG THỨC CHỊU TOÀN BỘ RỦI RO TÍN DỤNG

Kỳ báo cáo: từ ngày ... đến ngày...

Đơn vị: Nguyên tệ, USD, VND

	Nguồn vốn nước ngoài	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẦU KỲ			RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ NỢ TRONG KỲ				DƯ NỢ CUỐI KỲ		
			Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND		GỐC	LÃI	PHÍ	TỔNG CỘNG	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TỔNG CỘNG													
Dự án...													
Dự án ...													
Dự án...													
Dự án ...													
Dự án...													
Dự án...													
Dự án ...													
Dự án ...													

..., ngày ... tháng ... năm ...

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI
(Ký, đóng dấu)

CƠ QUAN CHO VAY LẠI
(Ký, đóng dấu)